



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2015



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Andy Ho	Thành viên (đến ngày 12/8/2015)
	Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

### **Thông tin về Công ty**

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 3 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát** **Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

### **Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức**

Lợi nhuận thuần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty là 1.014.675 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 1.067.702 triệu VND).

Ngày 13 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua: (i) phương án chi tiết trả cổ tức năm 2014 cho các cổ đông bằng tiền theo tỷ lệ 10% trên mệnh giá với số tiền là 488.625 triệu VND và 20% bằng cổ phiếu tương đương với 977.231 triệu VND và (ii) phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần cho các cổ đông theo tỷ lệ 30% bằng cổ phiếu tương đương với 1.465.851 triệu VND. Phương án trả cổ tức và phát hành cổ phiếu này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 và đã được thực hiện trong kỳ.

### **Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Đơn vị kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

**Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2015

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

### Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến 38. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 13-02-035-2015-a



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
kiểm toán số: 0651-2013-007-1

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã phân loại lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>429.015.529.633</b>	<b>417.341.985.199</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>265.513.658.136</b>	<b>298.740.078.905</b>
Tiền	111		6.613.658.136	15.112.023.349
Các khoản tương đương tiền	112		258.900.000.000	283.628.055.556
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>151.050.000.000</b>	<b>79.100.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.1	151.050.000.000	79.100.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.972.007.072</b>	<b>34.332.534.430</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		109.376.903	65.720.830
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.881.659.293	29.166.884.651
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.980.970.876	5.099.928.949
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>522.373.286</b>	<b>523.432.038</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.957.491.139</b>	<b>4.645.939.826</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		364.985.169	382.759.007
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	8	3.161.015.773	4.036.625.254
Tài sản ngắn hạn khác	155		431.490.197	226.555.565

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>8.443.512.977.678</b>	<b>7.952.916.463.492</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>316.500.000.000</b>	<b>190.500.000.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	316.500.000.000	190.500.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>49.216.039.277</b>	<b>49.149.989.454</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	20.230.133.214	19.960.556.125
Nguyên giá	222		48.126.838.878	45.036.294.159
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.896.705.664)	(25.075.738.034)
Tài sản cố định vô hình	227	11	28.985.906.063	29.189.433.329
Nguyên giá	228		31.110.496.640	31.110.496.640
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.124.590.577)	(1.921.063.311)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>248.098.745.077</b>	<b>222.056.574.478</b>
Nguyên giá	231		291.858.675.266	259.227.056.200
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(43.759.930.189)	(37.170.481.722)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>3.323.839.159</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	-	3.323.839.159
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6.2</b>	<b>7.824.563.617.375</b>	<b>7.485.452.203.801</b>
Đầu tư vào công ty con	251		7.989.188.437.533	7.590.768.437.533
Đầu tư vào công ty liên kết	252		5.730.000.000	5.730.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	700.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(171.054.820.158)	(111.746.233.732)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.134.575.949</b>	<b>2.433.856.600</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	5.130.575.949	2.429.856.600
Tài sản dài hạn khác	268		4.000.000	4.000.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>8.872.528.507.311</b>	<b>8.370.258.448.691</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>190.552.004.652</b>	<b>129.219.019.165</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>190.552.004.652</b>	<b>129.219.019.165</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.052.364.725	4.008.594.878
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313		49.088.937	49.546.584
Phải trả người lao động	314		501.424.000	1.066.786.500
Phải trả ngắn hạn khác	319		1.821.552.729	1.613.115.400
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15	187.127.574.261	122.480.975.803
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>8.681.976.502.659</b>	<b>8.241.039.429.526</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>8.681.976.502.659</b>	<b>8.241.039.429.526</b>
Vốn cổ phần	411	17	7.329.514.190.000	4.819.081.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.329.514.190.000	4.819.081.750.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	16	674.149.437.068	2.207.350.817.068
Cổ phiếu quỹ	415	16	(181.000.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	16	210.868.755.750	210.868.755.750
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16	467.625.119.841	1.003.738.106.708
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		(547.049.903.704)	(184.796.258.421)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.014.675.023.545	1.188.534.365.129
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>8.872.528.507.311</b>	<b>8.370.258.448.691</b>

Ngày 18 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngân  
 Kế toán trưởng

Trần Tuấn Dương  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>12.576.221.000</b>	<b>16.086.480.000</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>		<b>6.480.676.404</b>	<b>6.480.676.404</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>6.095.544.596</b>	<b>9.605.803.596</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.084.394.731.988	1.066.355.851.314
<i>Trong đó: lợi nhuận công ty con chuyển về</i>			<i>1.072.127.317.272</i>	<i>1.051.441.606.669</i>
Chi phí tài chính	22	23	59.477.111.013	382.314.445
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>168.524.587</i>	<i>382.314.445</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	18.287.847.527	13.039.930.038
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>1.012.725.318.044</b>	<b>1.062.539.410.427</b>
Thu nhập khác	31	25	3.137.297.806	10.860.729.596
Chi phí khác	32		311.982.824	1.006.675.051
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.825.314.982</b>	<b>9.854.054.545</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.015.550.633.026</b>	<b>1.072.393.464.972</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	875.609.481	4.691.923.611
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>1.014.675.023.545</b>	<b>1.067.701.541.361</b>

Ngày 18 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngân  
 Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.015.550.633.026</b>	<b>1.072.393.464.972</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		9.613.943.363	9.584.797.519
Các khoản dự phòng	03		59.308.586.426	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.084.394.731.988)	(1.066.733.281.107)
Chi phí lãi vay	06		168.524.587	382.314.445
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b> <b>trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>246.955.414</b>	<b>15.627.295.829</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(3.957.117.321)	(14.668.134.699)
Biến động hàng tồn kho	10		1.058.752	(98.217.314)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(3.445.968.321)	217.571.343
Biến động chi phí trả trước	12		(2.578.234.803)	711.432.777
Tiền lãi vay đã trả	14		(143.199.587)	(1.404.231.111)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(20.466.276.954)	(18.134.452.968)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(30.342.782.820)</b>	<b>(17.748.736.143)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(4.582.209.084)	(14.944.049.323)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	400.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(524.050.000.000)	(40.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		326.100.000.000	10.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(398.420.000.000)	(130.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận từ các công ty con	27		1.086.586.615.785	1.183.915.114.091
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>485.634.406.701</b>	<b>1.009.371.064.768</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		217.010.997.843	162.850.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(217.010.997.843)	(240.350.000.000)
Tiền trả cổ tức	36		(488.518.044.650)	(628.448.941.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(488.518.044.650)</b>	<b>(705.948.941.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>		<b>(33.226.420.769)</b>	<b>285.673.387.125</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	5	298.740.078.905	60.290.195.658
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	5	265.513.658.136	345.963.582.783

Ngày 18 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Tuấn Dương  
 Tổng Giám đốc

Lý Thị Ngạn  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **1.2 Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là cho thuê văn phòng và đầu tư tài chính.

### **1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 88 nhân viên (1/1/2015: 85 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **2.1 Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

### **2.2 Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày trong thuyết minh về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh số 4.1).

### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

#### **4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**4.3 Các khoản đầu tư**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(b) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong kỳ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4.5 Tài sản cố định hữu hình**

**(a) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 7 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 6 – 10 năm

**4.6 Tài sản cố định vô hình**

**(a) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

**(b) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 6 năm.

**4.7 Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(a) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 năm

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4.8 Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**4.9 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng, các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 - 4 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

**4.10 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**4.11 Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**4.12 Vốn cổ phần**

**(a) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(b) Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ**

Khi thu lại cổ phiếu thưởng cho nhân viên đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của số cổ phiếu này được ghi tăng vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã thu lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(c) Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động**

Theo chính sách của Công ty, giá trị cổ phiếu thưởng phát hành cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo mệnh giá và không được ghi là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **4.13 Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

##### **(a) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**(b) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh cho các báo cáo tài chính riêng và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**4.14 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bàng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **4.15 Doanh thu và thu nhập khác**

##### **(a) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

##### **(b) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

##### **(c) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

#### **4.16 Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### **4.17 Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

#### **4.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan có thể là các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, các nhân viên quản lý chủ chốt của Công ty, các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan và các công ty con và liên kết của Công ty và của các cá nhân này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	49.798.348	239.028.617
Tiền gửi ngân hàng	6.563.859.788	14.872.994.732
Các khoản tương đương tiền	258.900.000.000	283.628.055.556
	<hr/>	<hr/>
	265.513.658.136	298.740.078.905

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**6.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
			<b>Đã phân loại lại</b>	<b>Đã phân loại lại</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	151.050.000.000	151.050.000.000	79.100.000.000	79.100.000.000

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 7 tháng, được hưởng lãi suất dao động từ 5,4% đến 5,8% (2014: 5,3% đến 5,7%) một năm tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Tiền lãi dự thu	2.446.776.242	4.638.660.039
Phải thu khác	534.194.634	461.268.910
	<hr/>	<hr/>
	2.980.970.876	5.099.928.949
	<hr/>	<hr/>

**8. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước**

	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>	<b>Bù trừ với số thuế</b> <b>phải nộp trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>
<b>Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại/khấu trừ</b>			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.025.256.080	(875.609.481)	3.149.646.599
Thuế giá trị gia tăng	11.369.174	-	11.369.174
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	4.036.625.254	(875.609.481)	3.161.015.773
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**9. Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã phân loại lại</b>
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	316.500.000.000	137.500.000.000
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	-	53.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	316.500.000.000	190.500.000.000
	<hr/>	<hr/>

Đây là khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo cấp cho các công ty con của Công ty. Trong kỳ, khoản cho vay này hưởng lãi suất cố định là 0,5% một năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	16.219.173.982	1.447.945.455	27.369.174.722	45.036.294.159
Tăng trong kỳ	1.373.530.637	615.955.900	1.101.058.182	3.090.544.719
Số dư cuối kỳ	17.592.704.619	2.063.901.355	28.470.232.904	48.126.838.878
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	10.087.458.753	629.417.065	14.358.862.216	25.075.738.034
Khấu hao trong kỳ	1.225.084.534	127.005.582	1.468.877.514	2.820.967.630
Số dư cuối kỳ	11.312.543.287	756.422.647	15.827.739.730	27.896.705.664
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	6.131.715.229	818.528.390	13.010.312.506	19.960.556.125
Số dư cuối kỳ	6.280.161.332	1.307.478.708	12.642.493.174	20.230.133.214

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 10.825 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 10.278 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.755.408.500	2.355.088.140	31.110.496.640
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	1.921.063.311	1.921.063.311
Khấu hao trong kỳ	-	203.527.266	203.527.266
Số dư cuối kỳ	-	2.124.590.577	2.124.590.577
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	28.755.408.500	434.024.829	29.189.433.329
Số dư cuối kỳ	28.755.408.500	230.497.563	28.985.906.063

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 1.040 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: Không).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Nhà cửa VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	259.227.056.200
Tăng trong kỳ	27.387.644.188
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.243.974.878
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	291.858.675.266
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	37.170.481.722
Khấu hao trong kỳ	6.589.448.467
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	43.759.930.189
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	222.056.574.478
Số dư cuối kỳ	248.098.745.077
	<hr/>

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và tòa nhà văn phòng tại 643 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	3.323.839.159	2.420.170.098
Tăng trong kỳ/năm	2.042.620.265	4.430.812.722
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(3.089.915.476)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(5.243.974.878)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(122.484.546)	(437.228.185)
Số dư cuối kỳ/năm	-	3.323.839.159

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí sửa chữa văn phòng VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.071.557.233	1.249.397.852	108.901.515	2.429.856.600
Tăng trong kỳ	2.728.034.931	447.258.672	1.437.643.000	4.612.936.603
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	122.484.546	122.484.546
Phân bổ trong kỳ	(813.604.094)	(486.044.562)	(735.053.144)	(2.034.701.800)
Số dư cuối kỳ	2.985.988.070	1.210.611.962	933.975.917	5.130.575.949

**15. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	122.480.975.803	26.747.630.640
Trích lập trong kỳ/năm	85.012.875.412	136.569.124.165
Sử dụng trong kỳ/năm	(20.366.276.954)	(40.835.779.002)
Số dư cuối kỳ/năm	187.127.574.261	122.480.975.803

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	4.190.525.330.000	2.207.350.817.068	-	151.441.755.750	-	1.268.385.085.244	7.817.702.988.062
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	1.067.701.541.361	1.067.701.541.361
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	628.556.420.000	-	-	-	-	(628.556.420.000)	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(628.578.799.500)	(628.578.799.500)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(59.314.124.165)	(59.314.124.165)
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(50.000.000)	(50.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	4.819.081.750.000	2.207.350.817.068	-	151.441.755.750	-	1.019.587.282.940	8.197.461.605.758
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b> - đã phân loại lại	4.819.081.750.000	2.207.350.817.068	-	-	210.868.755.750	1.003.738.106.708	8.241.039.429.526
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	1.014.675.023.545	1.014.675.023.545
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động (Thuyết minh 18)	1.465.851.380.000	(1.465.851.380.000)	-	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 19)	67.350.000.000	(67.350.000.000)	-	-	-	(977.231.060.000)	-
Cổ tức (Thuyết minh 19)	977.231.060.000	-	-	-	-	(488.625.075.000)	(488.625.075.000)
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	(181.000.000)	-	-	-	(181.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(85.012.875.412)	(85.012.875.412)
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Biên động khác	-	-	-	-	-	181.000.000	181.000.000
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	7.329.514.190.000	674.149.437.068	(181.000.000)	-	210.868.755.750	467.625.119.841	8.681.976.502.659

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	732.951.419	7.329.514.190.000	481.908.175	4.819.081.750.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	732.951.419	7.329.514.190.000	481.908.175	4.819.081.750.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	732.933.319	7.329.333.190.000	481.908.175	4.819.081.750.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của số cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ/năm	481.908.175	4.819.081.750.000	419.052.533	4.190.525.330.000
Phát hành cổ phiếu	146.585.138	1.465.851.380.000	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	6.735.000	67.350.000.000	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	97.723.106	977.231.060.000	62.855.642	628.556.420.000
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	(18.100)	(181.000.000)	-	-
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>732.933.319</b>	<b>7.329.333.190.000</b>	<b>481.908.175</b>	<b>4.819.081.750.000</b>

**18. Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động**

Trong kỳ, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-DHĐCĐ.2014 ngày 28 tháng 8 năm 2014 là 67.350 triệu VND theo mệnh giá, tương đương với 6.735.000 cổ phiếu. Các cổ phiếu thưởng này đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết trên thị trường từ ngày 25 tháng 2 năm 2015. Tại ngày phát hành, số cổ phiếu này có giá trị thị trường tương đương với 325.974 triệu VND. Giá trị cổ phiếu phát hành tính theo mệnh giá không được ghi nhận là chi phí mà được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Cổ tức**

Ngày 13 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua phương án chi tiết trả cổ tức năm 2014 cho các cổ đông bằng tiền theo tỷ lệ 10% trên mệnh giá với số tiền 488.625 triệu VND và 20% bằng cổ phiếu tương đương với 977.231 triệu VND. Phương án trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 và đã được trả trong kỳ.

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**20.1 Ngoại tệ các loại**

	30/6/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.885	40.342.912	1.890	40.454.379
EUR	104	2.746.207	104	2.746.207
		43.089.119		43.200.586

**20.2 Cam kết góp vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có cam kết góp vốn sau:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG	5.670.000.000	5.670.000.000

**20.3 Cam kết hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	684.547.600	684.547.600
Trong vòng hai đến năm năm	3.422.736.000	3.422.736.000
Sau năm năm	16.429.131.800	16.771.405.600
	20.536.415.400	20.878.689.200

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị cho thuê tài sản không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	12.267.414.716	14.914.244.645
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	1.072.127.317.272	1.051.441.606.669
	<hr/>	<hr/>
	1.084.394.731.988	1.066.355.851.314

**23. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	168.524.587	382.314.445
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	59.308.586.426	-
	<hr/>	<hr/>
	59.477.111.013	382.314.445

**24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí lương nhân viên	4.712.055.431	3.926.546.925
Phân bổ chi phí sửa chữa văn phòng, công cụ và dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác	3.139.985.764	1.017.257.485
Chi phí khấu hao	1.975.682.180	1.903.934.548
Chi phí điện	1.086.349.500	986.676.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.373.774.652	5.205.515.080
	<hr/>	<hr/>
	18.287.847.527	13.039.930.038

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Thu nhập khác**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	400.000.000
Thu từ phí bảo lãnh	-	7.500.000.000
Thu nhập từ cho thuê xe	1.102.320.000	874.320.000
Thu nhập khác	2.034.977.806	2.086.409.596
	<hr/>	<hr/>
	3.137.297.806	10.860.729.596

**26. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.712.055.431	3.926.546.925
Chi phí khấu hao	9.613.943.363	9.584.797.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.712.546.608	1.924.886.096
Chi phí khác	8.729.978.529	4.084.375.902
	<hr/>	<hr/>

**27. Thuế thu nhập**

**27.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)</b>		
<b>hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	875.609.481	4.690.313.065
Thuế TNDN trích thiếu các kỳ trước	-	1.610.546
	<hr/>	<hr/>
	875.609.481	4.691.923.611

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	1.015.550.633.026	1.072.393.464.972
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	256.016	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	59.308.586.426	-
Chi phí không được khấu trừ	1.247.884.899	367.746.537
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con sau thuế TNDN	(1.072.127.317.272)	(1.051.441.606.669)
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	3.980.043.095	21.319.604.840
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	875.609.481	4.690.313.065
Thuế TNDN trích thiếu các kỳ trước	-	1.610.546
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	875.609.481	4.691.923.611
<b>Thuế TNDN nộp thừa đầu kỳ</b>	(4.025.256.080)	(10.094.029.899)
<b>Thuế TNDN nộp thừa cuối kỳ</b>	(3.149.646.599)	(5.402.106.288)

**27.3 Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2014 và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **28. Các công cụ tài chính**

### **28.1 Quản lý rủi ro tài chính**

#### **(a) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

#### **(b) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

### **28.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay các công ty con và các hợp đồng bảo lãnh đã phát hành.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ Triệu VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND</b>	<b>Trong 1 năm Triệu VND</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>			
Phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác	2.874	2.874	2.874
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>			
Phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác	5.622	5.622	5.622

**28.4 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(a) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chỉ có tài sản tiền tệ là 1.885 USD và 104 EUR tiền mặt bằng ngoại tệ. Do đó, sự thay đổi của tỷ giá hối đoái không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Công ty.

**(b) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính hưởng lãi suất của Công ty như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>30/6/2015 Triệu VND</b>	<b>1/1/2015 Triệu VND</b>
<b>Các công cụ tài chính chịu hưởng lãi suất cố định</b>		
Tài sản tài chính	726.450	553.228

Do đó, biến động lãi suất không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28.5 Giá trị hợp lý**

**(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán riêng, như sau:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	151.050	151.050	79.100	79.100
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	265.514	265.514	298.740	298.740
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.090	3.090	5.166	5.166
- Phải thu về cho vay dài hạn	316.500	(*)	190.500	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	7.995.618	(*)	7.597.198	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(2.874)	(2.874)	(5.622)	(5.622)
	<b>8.728.898</b>		<b>8.165.082</b>	

**(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

*Tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh*

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chi nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
<i>Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát</i>		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	37.542.366.859	16.916.547.623
<i>Công ty CP Nội thất Hòa Phát</i>		
Các khoản cho vay	-	24.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	24.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	49.800.000.000	65.468.524.055
<i>Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</i>		
Các khoản cho vay	-	25.471.665.857
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	25.471.665.857
Các khoản đi vay	-	89.850.000.000
Thanh toán gốc đi vay	-	89.850.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	203.931.818.182	118.178.334.143
Góp vốn	-	100.000.000.000
<i>Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát</i>		
Các khoản cho vay	33.000.000.000	14.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	10.110.486.930	23.473.710.501
Nhận thanh toán gốc cho vay	86.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát</i>		
Các khoản đi vay	-	15.000.000.000
Thanh toán gốc đi vay	-	15.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	18.320.073.082	13.418.047.842
<i>Công ty CP Thép Hòa Phát</i>		
Các khoản cho vay	100.000.000.000	12.700.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	100.000.000.000	12.700.000.000
Thanh toán gốc đi vay	-	100.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	275.994.000.000
Phí bảo lãnh nhận được	-	6.000.000.000
<i>Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông</i>		
Các khoản cho vay	240.000.000.000	16.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	61.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát</i>		
Các khoản đi vay	75.000.000.000	32.500.000.000
Thanh toán gốc đi vay	75.000.000.000	10.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	68.541.372.219	166.467.442.505

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>Công ty CP Golden Gain Việt Nam</b>		
Các khoản đi vay	-	25.500.000.000
Thanh toán gốc đi vay	-	25.500.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	280.347.600.000	148.843.000.000
<b>Công ty CP Năng lượng Hoà Phát</b>		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	403.533.600.000	219.758.000.000
Phí bảo lãnh nhận được	-	1.500.000.000
<b>Công ty CP Khoáng Sản Hòa Phát</b>		
Các khoản cho vay	-	20.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	20.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	2.924.000.000
Các khoản đi vay	63.000.000.000	-
Thanh toán gốc đi vay	63.000.000.000	-
Nhận chuyển nhượng lại công ty con cấp 2	98.420.000.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Nam Giang</b>		
Góp vốn	-	30.000.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát</b>		
Góp vốn	300.000.000.000	-
<b>Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thưởng	719.734.062	949.007.152
Thù lao	1.541.000.000	1.602.000.000

**30. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	977.231.060.000	628.556.420.000
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	67.350.000.000	-
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	1.465.851.380.000	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán**

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	79.100.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	79.100.000.000
Phải thu về cho vay – dài hạn	190.500.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	700.000.000	191.200.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	-	210.868.755.750
Quỹ đầu tư phát triển	210.868.755.750	-

Ngày 18 tháng 8 năm 2015

Người lập:

Hoàng Thị Thanh Hương  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lý Thị Ngân  
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc